

Số: 1736/QĐ-ĐHTM

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành chương trình đào tạo từ xa Luật kinh tế trình độ đại học

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 10/2017/TT-BGDĐT ngày 28/4/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 2293/QĐ-ĐHTM ngày 16/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 916/QĐ-ĐHTM ngày 31/5/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ngày 11/9/2023 về việc thông qua chương trình đào tạo từ xa Marketing thương mại, Luật kinh tế, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 26/9/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại về việc thông qua 03 chương trình đào tạo từ xa Marketing thương mại, Luật kinh tế, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng trình độ đại học năm học 2023-2024;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành chương trình đào tạo từ xa Luật kinh tế trình độ đại học (có chương trình đào tạo kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Khoa Luật chịu trách nhiệm quản lý chương trình đào tạo từ xa Luật kinh tế trình độ đại học.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng các phòng: Quản lý đào tạo, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Pháp chế và Thanh tra, Kế hoạch Tài chính; Trưởng khoa Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *HT*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, QLĐT, Luật.



PGS, TS Nguyễn Hoàng

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 133/QĐ-ĐHTM ngày 13 tháng 10 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

<b>Chương trình đào tạo:</b>	<b>Luật kinh tế</b> ( <i>Economic Law</i> )
<b>Trình độ đào tạo:</b>	<b>Đại học</b>
<b>Ngành đào tạo:</b>	<b>Luật kinh tế</b>
<b>Mã ngành:</b>	<b>7380107</b>
<b>Hình thức đào tạo:</b>	<b>Từ xa</b>
<b>Ngôn ngữ đào tạo:</b>	<b>Tiếng Việt</b>
<b>Thời gian đào tạo:</b>	<b>4 năm</b>

### 1. Mục tiêu của chương trình đào tạo từ xa

#### 1.1 Mục tiêu chung:

Chương trình Luật kinh tế là chương trình đào tạo (CTĐT) định hướng ứng dụng, có mục tiêu đào tạo cử nhân luật kinh tế, chuyên ngành luật kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản và hiện đại về kinh tế và pháp luật nói chung; có năng lực chuyên môn sâu về pháp luật trong kinh tế và kinh doanh; có khả năng tiếp cận và xử lý những vấn đề pháp lý đặt ra trong thực tiễn kinh doanh tại doanh nghiệp và quản lý nhà nước về kinh tế.

#### 1.2 Mục tiêu cụ thể:

- Đào tạo cử nhân luật kinh tế có sức khỏe tốt, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng;
- Đào tạo đội ngũ cử nhân luật kinh tế có kiến thức cơ bản và hiện đại về kinh tế và pháp luật nói chung, đặc biệt là có những kiến thức và kỹ năng chuyên môn chuyên sâu về pháp luật trong kinh tế và kinh doanh;
- Đào tạo đội ngũ chuyên gia có khả năng tham gia hoạch định, giải quyết, tham mưu, tư vấn các vấn đề về pháp luật kinh tế tại các cơ quan quản lý nhà nước các cấp; Đội ngũ pháp chế của các doanh nghiệp, các công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài...; Đội ngũ nhà nghiên cứu, giảng viên cho các cơ sở đào tạo về pháp luật;
- Đào tạo đội ngũ cử nhân có năng lực làm việc độc lập, tự chủ và làm việc theo

nhóm hiệu quả; có khả năng học tập suốt đời, học tiếp các chứng chỉ nghề nghiệp, theo học các chương trình đào tạo sau đại học về luật, kinh tế và quản trị kinh doanh trong và ngoài nước.

## **2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

### **2.1. Yêu cầu về kiến thức**

(PLO1) Hiểu và phân tích được các quy phạm pháp luật trong kinh tế và kinh doanh dựa trên kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và khoa học tự nhiên, xã hội nhân văn;

(PLO2) Nắm vững kiến thức nền về kinh tế và pháp luật để tiếp cận và nghiên cứu pháp luật về kinh tế và kinh doanh;

(PLO3) Vận dụng được các kiến thức pháp lý chuyên ngành để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản lý nhà nước về kinh tế và hoạt động quản lý kinh doanh của doanh nghiệp.

### **2.2. Yêu cầu về kỹ năng**

(PLO4) Có khả năng phân tích, phát hiện, tư vấn và giải quyết những vấn đề pháp lý phát sinh trong quản lý nhà nước về kinh tế, trong xây dựng và tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

(PLO5) Có khả năng hoạch định và đảm bảo nội dung pháp lý trong quản trị chiến lược, chính sách, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp; Lập, kiểm soát thể thức, nội dung pháp lý các hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp;

(PLO6) Có khả năng vận dụng những nội dung cơ bản của pháp luật quốc tế và thông lệ tốt của nước ngoài vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn Việt Nam;

(PLO7) Có khả năng tham gia giải quyết khiếu nại, tranh tụng liên quan đến các vấn đề pháp lý về quản lý nhà nước về kinh tế các cấp và kinh doanh của doanh nghiệp;

(PLO8) Có khả năng giao tiếp, truyền thông và thuyết phục hiệu quả các vấn đề pháp lý trong kinh tế và kinh doanh.

(PLO9) Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

### **2.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm**

(PLO10) Có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm hiệu quả;

(PLO11) Đề xuất được những giải pháp khắc phục hạn chế và hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực pháp luật nói chung và pháp luật về kinh tế nói riêng;

(PLO12) Có ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; tác phong làm việc nghiêm túc;

(PLO13) Có khả năng tự cập nhật kiến thức, thông tin trong lĩnh vực chuyên môn đào tạo và chủ động xử lý các thông tin đó một cách hiệu quả.

### **2.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học**

(PLO14) Đạt chuẩn tiếng Anh trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

(PLO15) Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 tín chỉ** (trong đó: 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp, 11 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Theo Quy chế tuyển sinh đại học và Đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thương mại.

**5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:** Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về đào tạo từ xa trình độ đại học.

**6. Phương thức đánh giá:** Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong quy định khảo thí đối với hình thức đào tạo từ xa của Trường Đại học Thương mại.

**7. Nội dung chương trình đào tạo**

**7.1. Khung chương trình đào tạo**

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã HP	Số TC	Cấu trúc
<b>1</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>		<b>41</b>	
<b>1.1</b>	<b>Giáo dục đại cương</b>		<b>30</b>	
<b>1.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>28</b>	
1	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	36,18
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCMIO121	2	24,12
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCMIO111	2	24,12
4	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	24,12
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCMIO131	2	21,18
6	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	24,12
7	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	24,12
8	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	24,12
9	Tin học quản lý	TXINFO0311	3	36,18
10	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TXSCRE0111	2	24,12
11	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	36,18
12	Kinh tế vĩ mô 1	TXMAEC0111	3	36,18
<b>1.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>2</b>	
	<i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>			
1	Logic học	TXMLNP0911	2	24,12
2	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	24,12
<b>1.2</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>		<b>3</b>	

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã HP	Số TC	Cấu trúc
1	Giáo dục thể chất chung	TXGDTC1611	1	12,18
2	Cờ vua	TXGDTC0921	2	24,36
<b>1.3</b>	<b>Giáo dục quốc phòng – an ninh</b>		<b>8</b>	
<b>2</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>		<b>90</b>	
<b>2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>29</b>	
<b>2.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>	
1	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	TXBLAW0511	3	36,18
2	Luật dân sự 1	TXBLAW2111	3	36,18
3	Luật dân sự 2	TXBLAW2221	2	24,12
4	Luật hiến pháp	TXBLAW0621	3	36,18
5	Luật hành chính	TXBLAW2511	3	36,18
6	Tiếng Anh thương mại 1	TXENTI3311	2	24,12
7	Tiếng Anh thương mại 2	TXENTI3411	2	24,12
<b>2.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>11</b>	
	<i>Chọn 11 TC trong các HP sau:</i>			
1	Lịch sử nhà nước và pháp luật	TXBLAW2411	3	36,18
2	Luật hình sự	TXBLAW2621	3	36,18
3	Quản trị học	TXBMGM0111	3	36,18
4	Quản trị nhân lực căn bản	TXCEMG0111	3	36,18
5	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	36,18
6	Kinh tế thương mại đại cương	TXTECO0111	2	24,12
7	Nhập môn Tài chính – Tiền tệ	TXEFIN2811	3	36,18
9	Chuyển đổi số trong kinh doanh	TXPCOM1111	2	24,12
<b>2.2</b>	<b>Kiến thức ngành và chuyên ngành</b>		<b>39</b>	
<b>2.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>28</b>	
1	Luật kinh tế 1	TXPLAW0321	3	36,18
2	Luật kinh tế 2	TXPLAW0322	3	36,18
3	Pháp luật về đầu tư	TXPLAW3411	3	36,18
4	Luật sở hữu trí tuệ	TXPLAW2211	2	24,12
5	Pháp luật lao động và an sinh xã hội	TXBLAW2311	3	36,18
6	Pháp luật tài chính và ngân hàng	TXPLAW1511	3	36,18
7	Luật thương mại quốc tế	TXPLAW3111	3	36,18

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã HP	Số TC	Cấu trúc
8	Pháp luật môi trường -- đất đai	TXPLAW3011	3	36,18
9	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng	TXPLAW2911	3	36,18
10	Luật tố tụng dân sự	TXBLAW1421	2	24,12
<b>2.2.2.</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>11</b>	
	<i>Chọn 11 TC trong các HP sau:</i>			
1	Pháp luật hợp đồng	TXBLAW3511	3	36,18
2	Luật thương mại điện tử	TXPLAW1411	2	24,12
3	Luật chứng khoán	TXPLAW2821	3	36,18
4	Thị trường chứng khoán	TXBKSC2311	3	36,18
5	Quản trị công ty	TXSMGM3111	3	36,18
6	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	TXITOM0511	3	36,18
7	Quản trị rủi ro	TXBMGM0411	2	24,12
8	Quản trị chuỗi cung ứng	TXBLOG2011	3	36,18
<b>2.3.</b>	<b>Kiến thức bổ trợ</b>		<b>12</b>	
<b>2.3.1.</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>6</b>	
1	Nguyên lý quản lý kinh tế	TXTECO2031	3	36,18
2	Kiểm toán căn bản	TXFAUD0411	3	36,18
<b>2.3.2.</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>6</b>	
	<i>Chọn 6 TC trong các IIP sau:</i>			
1	Thông kê kinh doanh	TXANST1211	3	36,18
2	Kinh doanh quốc tế	TXITOM1311	3	36,18
3	Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế	TXITOM1511	3	36,18
4	Thanh toán điện tử	TXPCOM0411	3	36,18
<b>2.4</b>	<b>Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học</b>		<b>10</b>	
<b>2.4.1</b>	Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	TXREPF1411	3	0,90
<b>2.4.2</b>	Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp	TXLVVF1711	7	0,210

*Ghi chú: Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ với 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp, 11 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh. Trong 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp có 90. tín chỉ bắt buộc và 30 tín chỉ tự chọn.*

#### **7.2. Mô tả các học phần (có phụ lục đính kèm)**

## 8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	KỲ I	Khối kiến thức GDĐC	9-10TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	03TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>12-13TC</b>
2	KỲ II	Khối kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	6-8TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>15-16TC</b>
3	NĂM NHẤT	<b>Giáo dục Quốc phòng – An ninh</b>	<b>08 TC</b>
4	KỲ III	Khối kiến thức GDĐC	04 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	11-12 TC
		Giáo dục thể chất	02 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>16-17 TC</b>
5	KỲ IV	Khối kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	3-6TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	và 3-6TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>15-17 TC</b>
6	KỲ V	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	12-15 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>15-17TC</b>
7	KỲ VI	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	05-06 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	09 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>16-17TC</b>
8	KỲ VII	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	13-15 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	03 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>16-18TC</b>
9	KỲ VIII	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	<b>10TC</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>131TC</b>

**Lưu ý:**

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 4 năm. Người học có thể học theo tiến độ nhanh để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

- Mỗi năm học có 2 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính tối thiểu 15 tuần (trừ học kỳ

đầu của khóa học). Ngoài các học kỳ chính, Trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ.

- Phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

- Trong học kỳ đầu của khóa học, người học được đăng ký học tập mặc định; các học kỳ sau, người học tự đăng ký học tập theo kế hoạch giảng dạy của Trường.

- Khối lượng kiến thức, phương pháp giảng dạy và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

- Điều kiện tốt nghiệp: Người học tích lũy đủ học phần, số tín chỉ của chương trình đào tạo; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh, hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất và các quy định khác của Trường.



PGS.TS Nguyễn Hoàng

TRƯỜNG KHOA

*(Handwritten signature)*

TS. Nguyễn Thị Tình



## PHỤ LỤC: MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LUẬT KINH TẾ

**1. Triết học Mác – Lênin:** Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

**2. Chủ nghĩa xã hội khoa học:** Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

**3. Tư tưởng Hồ Chí Minh:** Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

**4. Kinh tế chính trị Mác – Lê nin:** Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư); Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

**5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam:** Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng

sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

**6. Tiếng Anh 1:** Học phần “*Tiếng Anh 1*” gồm 4 bài đầu của giáo trình “*Life (A2-B1)*” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2<sup>nd</sup> edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ Anh ngữ A1+. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.

**7. Tiếng Anh 2:** Học phần “*Tiếng Anh 2*” sử dụng bài 5, 6, 7, 8 trong giáo trình “*Life (A2-B1)*” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2<sup>nd</sup> edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội ở trình độ Anh ngữ A2. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

**8. Tiếng Anh 3:** Học phần Tiếng Anh 3 được xây dựng dựa trên cuốn “*Life*” trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiêu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học.

**9. Tin học quản lý:** Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị HTTT, cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng cho việc nghiên cứu và học tập các học phần chuyên ngành như: cơ sở lập trình, cơ sở dữ liệu... Ngoài ra đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Đồng thời còn củng cố các kiến thức cho các môn học chuyên ngành. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Trình diễn văn bản (PowerPoint), Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

**10. Phương pháp nghiên cứu khoa học:** Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

**11. Kinh tế vi mô 1:** Kinh tế vi mô là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.

**12. Kinh tế vĩ mô 1:** Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD - AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô.

**13. Logic học:** Logic học là khoa học về các hình thức và quy luật của tư duy đúng đắn nhằm nhận thức đúng thế giới hiện thực khách quan. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản và có hệ thống về các hình thức tồn tại của tư duy. Giúp người học có khả năng tìm kiếm, nhận dạng và khắc phục những lỗi logic của tư duy trong quá trình phản ánh, đồng thời xây dựng được phương pháp tư duy chính xác, chặt chẽ và vận dụng nó trong việc lĩnh hội các khoa học khác.

**14. Khởi sự kinh doanh:** Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

**15. Lý luận chung về nhà nước và pháp luật:** Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế. Học phần trang bị cho người học những kiến thức lý luận nền tảng về nhà nước và pháp luật, cụ thể gồm: Khái quát Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật; Những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức ... của nhà nước và pháp luật; Những vấn đề pháp lý về Hệ thống pháp luật và quy phạm pháp luật; Quan hệ pháp luật và thực hiện pháp luật; Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Ý thức pháp luật và giáo dục pháp luật.

**16. Luật dân sự 1:** Luật Dân sự 1 là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật kinh tế. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý về dân sự như hệ thống các khái niệm về đối tượng, phương pháp điều chỉnh, nguyên tắc của luật dân sự...; quan hệ pháp luật dân sự và một số chế định pháp lý cơ bản của đời sống dân sự như: giao dịch dân sự; đại diện; thời hạn và thời hiệu; tài sản, quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản; quyền thừa kế. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế, giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

**17. Luật dân sự 2:** Luật Dân sự 2 là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật kinh tế. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu các chế định pháp lý cơ bản của lĩnh vực dân sự như: nghĩa vụ dân sự; bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; nghĩa vụ ngoài hợp đồng và trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế, giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

**18. Luật hiến pháp:** Luật Hiến pháp là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành luật kinh tế. Đây là học phần chuyên ngành tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản trong lĩnh vực lập hiến và xây dựng bộ máy nhà nước Việt Nam gồm: Lịch sử hình thành và phát triển của Hiến pháp Việt Nam; Các chế định cơ bản về chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội; Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; Cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Việt Nam theo quy định của Hiến pháp hiện hành.

**19. Luật hành chính:** Đây là học phần thuộc bắt buộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng pháp lý cơ bản về quản lý hành chính nhà nước. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật về Quy phạm pháp luật hành chính và Quan hệ pháp Luật hành chính; Các nguyên tắc cơ bản của quản lý hành chính nhà nước; hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước; Thủ tục hành chính; Quyết

định hành chính; Địa vị pháp lý hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước; Địa vị pháp lý hành chính của cán bộ, công chức nhà nước; Địa vị pháp lý hành chính của các tổ chức xã hội; Địa vị pháp lý hành chính của công dân, người nước ngoài; Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính; Các biện pháp bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước.

**20. Tiếng Anh thương mại 1:** Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 1-4). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: sự lựa chọn nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, dự án và thị trường toàn cầu. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: trạng từ chỉ mức độ, thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn, tính từ so sánh, câu bị động. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xây dựng mối quan hệ thông qua cuộc hội thoại ngắn, thảo luận trong cuộc họp, để lại lời nhắn qua hộp thư thoại, đưa ra chỉ dẫn, hỏi thông tin, thảo luận với khách hàng để đạt được thỏa thuận; viết email giới thiệu, thư yêu cầu cập nhật thông tin, thư xác nhận đơn đặt hàng.

**21. Tiếng Anh thương mại 2:** Học phần Tiếng Anh thương mại 2 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 5-8). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: thiết kế và đổi mới, an toàn và an ninh, dịch vụ khách hàng và giao tiếp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, các động từ tình thái, cấu trúc động từ + to-infinitive/ -ing, câu điều kiện loại một và hai. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể thuyết trình giới thiệu sản phẩm, giải quyết tranh chấp, trình bày ý tưởng, giải quyết lời phàn nàn của khách hàng; viết đánh giá, nhận xét về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng thiết bị, thư cảm ơn và một báo cáo ngắn.

**22. Lịch sử nhà nước và pháp luật:** Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế. Học phần tập trung nghiên cứu hai nội dung chính là lịch sử nhà nước pháp luật Thế giới và lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam. Phần lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới sẽ nghiên cứu tập trung vào sự hình thành và phát triển của các kiểu Nhà nước và Pháp luật chiếm hữu nô lệ, Nhà nước và pháp luật phong kiến, Nhà nước và pháp luật Tư sản, Nhà nước và pháp luật Xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Phần lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam sẽ nghiên cứu tập trung một số nội dung cơ bản sau: Quá trình hình thành Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc; Nhà nước và pháp luật phong kiến Việt Nam qua các giai đoạn: giai đoạn chống đồng hóa của phong kiến Trung Quốc, Nhà nước và pháp luật phong kiến Đại Việt, Nhà nước và pháp luật thời thuộc Pháp, Nhà nước và pháp luật từ Cách mạng tháng 8 năm 1945 đến nay.

**23. Luật hình sự:** Học phần nghiên cứu những lý luận cơ bản nhất của Luật Hình sự về Tội phạm, Hình phạt và một số tội phạm cụ thể: Bản chất tội phạm; Cấu thành tội phạm; Các giai đoạn thực hiện tội phạm; Đồng phạm; Những tình tiết loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi; Trách nhiệm hình sự của chủ thể tội phạm nói chung và Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội; Hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp khác; Quyết định hình phạt; Chấp hành hình phạt. Ngoài ra học phần cũng giới thiệu những vấn đề chung và cấu thành chi tiết của một số tội phạm cụ thể: Các tội phạm xâm phạm quyền sở hữu; Các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế...

**24. Quản trị học:** Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng về quản trị tổ chức. Bao gồm: Khái niệm và chức năng quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị và quản trị sự thay đổi. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

**25. Quản trị nhân lực căn bản:** Học phần bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực, phân tích công việc, tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực).

**26. Thương mại điện tử căn bản:** Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

**27. Kinh tế thương mại đại cương:** Học phần Kinh tế thương mại đại cương thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành quản lý kinh tế và các chuyên ngành khác trong trường. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như bản chất kinh tế, chức năng, và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại

**28. Nhập môn Tài chính – Tiền tệ:** Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.

**29. Chuyển đổi số trong kinh doanh:** Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

**30. Luật kinh tế 1:** Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế và là học phần bắt buộc hoặc tự chọn của các chương trình đào tạo chuyên ngành khác tại Trường đại học Thương mại. Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.

**31. Luật kinh tế 2:** Học phần trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng pháp lý cơ bản về việc thực hiện các hoạt động thương mại. Đây là học phần tự chọn của các chương trình đào tạo Quản lý kinh tế, Tài chính ngân hàng thương mại, Tài chính công của Trường đại học Thương mại. Cụ thể, học phần nghiên cứu khung pháp lý chung điều chỉnh các hoạt động thương mại phổ biến như mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ... và một số hoạt động thương mại đặc thù như nhượng quyền thương mại, gia công hàng hóa, đấu thầu, đấu giá; các chế tài được áp dụng khi một bên có hành vi vi phạm; các phương thức giải quyết tranh chấp giữa các bên trong kinh doanh thương mại. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế và là cơ sở cho việc tiếp cận những học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành khác.

**32. Pháp luật về đầu tư:** Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên

ngành của chương trình đào tạo ngành luật kinh tế. Học phần nghiên cứu các qui định của pháp luật Việt Nam về bảo đảm, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; thủ tục thực hiện các hoạt động đầu tư trong nước và ra nước ngoài; nghiên cứu pháp luật đầu tư quốc tế bao gồm các biện pháp bảo hộ đầu tư, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

**33. Luật sở hữu trí tuệ:** Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế và chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế. Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ của các tổ chức, cá nhân trong xã hội, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan; về quyền sở hữu công nghiệp; về quyền đối với giống cây trồng; về vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và giải quyết tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế, chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế, nhằm giúp người học đáp ứng được chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo này.

**34. Pháp luật lao động và an sinh xã hội:** Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế. Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề về pháp luật lao động, pháp luật về an sinh xã hội, bao gồm các nội dung cơ bản như: các vấn đề lý luận chung về luật lao động, luật an sinh xã hội như quan hệ pháp luật lao động, quan hệ pháp luật về an sinh xã hội, các nguyên tắc cơ bản trong lĩnh vực luật lao động và luật an sinh xã hội, tổ chức đại diện người lao động, quản lý nhà nước trong lĩnh vực luật lao động và luật an sinh xã hội; hợp đồng lao động; thỏa ước lao động tập thể; chế độ tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, an toàn lao động, vệ sinh lao động; kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất; giải quyết tranh chấp lao động và giải quyết đình công; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm thất nghiệp; bảo hiểm y tế; trợ giúp xã hội; ưu đãi xã hội.

**35. Pháp luật tài chính và ngân hàng:** Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế và là học phần tự chọn của chương trình đào tạo chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp tại Trường đại học Thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu về các qui định pháp luật trong hoạt động thu, chi, quyết toán ngân sách Nhà nước, việc thu các loại thuế đặc biệt là các loại thuế trong hoạt động thương mại; về cơ cấu tổ chức, hoạt động, vai trò của ngân hàng nhà nước, về cơ cấu tổ chức, hoạt động của các tổ chức tín dụng, và quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác của các chương trình đào tạo này, nhằm giúp người học có đạt được mục tiêu của chương trình đào tạo.



**36. Luật thương mại quốc tế:** Là học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, học phần cung cấp những những kiến thức cơ bản về Luật thương mại quốc tế. Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Luật kinh tế và là học phần tự chọn của chương trình đào tạo Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. Cụ thể, học phần đi sâu nghiên cứu những kiến thức tổng quan về Luật thương mại quốc tế, quan hệ thương mại quốc tế giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ với nhau; và quan hệ thương mại quốc tế giữa các thương nhân. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo Luật kinh tế cũng như trong các chương trình đào tạo Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo này.

**37. Pháp luật môi trường - đất đai:** Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế. Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về đất đai và môi trường, pháp luật về chế độ sở hữu và sử dụng đất đai, pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, quản lý nhà nước về đất đai và môi trường, giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực đất đai và môi trường. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế, nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

**38. Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng:** Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế. Học phần tập trung nghiên cứu về pháp luật cạnh tranh và pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bao gồm những vấn đề về kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh, hành vi tập trung kinh tế, hành vi cạnh tranh không lành mạnh và giải quyết tranh chấp trong cạnh tranh; về hợp đồng giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh cũng như các phương thức giải quyết tranh chấp giữa họ. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế, nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

**39. Luật tố tụng dân sự:** Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế. Cụ thể, học phần bao gồm những nội dung cơ bản: khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền dân sự của tòa án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời, cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án; thủ tục giải quyết việc dân sự. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần

có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật này.

**40. Pháp luật hợp đồng:** Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về hợp đồng và pháp luật về hợp đồng ở Việt nam gồm khái niệm, các tiêu chí để nhận diện bản chất pháp lý của các loại hợp đồng; nguồn luật về hợp đồng và các nguyên tắc áp dụng pháp luật về hợp đồng. Trên cơ sở những vấn đề lý luận nêu trên, học phần đề cập tới các nội dung pháp lý cụ thể gắn liền với vấn đề giao kết hợp đồng và thực hiện hợp đồng gồm: Xác định sự hình thành hợp đồng; các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, hợp đồng vô hiệu và xử lý hợp đồng vô hiệu; cơ sở pháp lý cho việc giải thích hợp đồng; thay đổi, đình chỉ, hủy bỏ hợp đồng; trách nhiệm pháp lý khi có sự vi phạm hợp đồng. Từ những vấn đề lý luận và nội dung pháp lý nền tảng về hợp đồng nêu trên học phần tập trung nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành về các loại hợp đồng thông dụng phát sinh trong quá trình chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản và trong quá trình thực hiện các dịch vụ khác nhau trong đời sống kinh tế xã hội hiện nay.

**41. Luật thương mại điện tử:** Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế và chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế tại trường đại học Thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về thương mại điện tử, trong đó nghiên cứu pháp luật điều chỉnh về hợp đồng thương mại điện tử, website thương mại điện tử; xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo này.

**42. Luật chứng khoán:** Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế tại Trường đại học Thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật về các hoạt động chứng khoán; về tổ chức và hoạt động của thị trường chứng khoán, của các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; về thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp có liên quan đến hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

**43. Thị trường chứng khoán:** Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán; hoạt động phát hành, niêm yết và giao dịch chứng khoán; hệ thống lưu ký, thanh toán bù trừ và thông tin trên thị trường chứng khoán, các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán; và quản lý Nhà nước đối với TTCK.

**44. Quản trị công ty:** Học phần Quản trị công ty bao gồm 6 chương. Chương 1 đưa ra kiến thức Tổng quan về quản trị công ty, các khái niệm cơ bản cũng như vai trò

và lợi ích của quản trị công ty; Chương 2 tập trung và hệ thống hóa các lý thuyết, qui tắc và mô hình quản trị công ty phổ biến trên thế giới đồng thời giới thiệu về các mô hình quản trị công ty chủ yếu ở Việt Nam; Chương 3 đi sâu vào làm rõ nội dung về cổ đông và các bên có liên quan; Chương 4 trình bày các nội dung về Hội đồng quản trị; Chương 5 là vấn đề công bố thông tin và kiểm soát trong quản trị công ty; Cuối cùng, chương 6 thảo luận về đánh giá hệ thống quản trị công ty theo một số thông lệ quản trị công ty tốt nhất trên thế giới và Việt Nam.

**45. Quản trị rủi ro:** Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm, các đặc trưng và phân loại rủi ro. Khái niệm, các nguyên tắc, nội dung của quản trị rủi ro. Kiến thức chuyên sâu về các nội dung của quản trị rủi ro bao gồm: Nhận dạng và phân tích rủi ro; Kiểm soát và tài trợ rủi ro. Vận dụng quản trị rủi ro trong nhận dạng và phân tích rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp, đưa ra các biện pháp kiểm soát và tài trợ rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp.

**46. Quản trị chuỗi cung ứng:** Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc quyết định nào, những người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.

**47. Nguyên lý quản lý kinh tế:** Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, có tính chất nguyên lý về lược sử các tư tưởng kinh tế; bản chất, đặc điểm, vai trò của quản lý kinh tế; các nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý kinh tế chủ yếu; cơ cấu tổ chức bộ máy và vấn đề cán bộ quản lý kinh tế; thông tin và quyết định quản lý kinh tế.

**48. Kiểm toán căn bản:** Học phần Kiểm toán căn bản cung cấp kiến thức lý luận cơ bản về kiểm toán như: phân loại kiểm toán, các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm

toán, qui trình và phương pháp kiểm toán, tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán.

**49. Thống kê kinh doanh:** Học phần cung cấp các kiến thức về thống kê kinh doanh bao gồm: Những vấn đề cơ bản của thống kê kinh doanh; thống kê kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp; thống kê lao động và thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp; thống kê tài sản trong doanh nghiệp, thống kê nguồn vốn và năng lực tài chính của doanh nghiệp; thống kê giá thành và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

**50. Kinh doanh quốc tế:** Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

**51. Quản trị giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế:** Học phần giới thiệu về dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế, các phương thức giao nhận vận chuyển và các chứng từ vận chuyển thường gặp. Học phần cung cấp kiến thức về quản trị giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, giám sát và điều hành quy trình giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế.

**52. Thanh toán điện tử:** Học phần Thanh toán điện tử là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên sâu của Ngành Thương mại điện tử (TMĐT) và chuyên ngành Quản trị TMĐT. Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu cho sinh viên Quản trị TMĐT về các loại hình thanh toán điện tử, đặc biệt đi chi tiết vào các hình thức thanh toán trên Internet, bao gồm: Các kiến thức tổng quan về Thanh toán điện tử (Lịch sử phát triển, khái niệm, đặc điểm, sự khác biệt giữa thanh toán trong TMĐT với các hoạt động thanh toán điện tử khác, cách thức phân chia các loại hình thanh toán điện tử); Trình bày các loại hình thanh toán chủ yếu trên Internet bao gồm từ thanh toán thẻ, thanh toán bằng ví điện tử, thanh toán giá trị nhỏ (vi thanh toán), chuyển khoản điện tử, thanh toán bằng séc điện tử, thanh toán bằng xuất trình hóa đơn điện tử; Phân tích chi tiết các quy trình thanh toán, cách thức áp dụng và các hình thức bảo mật của thanh toán trong TMĐT.

**53. Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp:** Tìm hiểu khái quát thực tiễn hệ thống pháp luật về kinh tế, tiến hành các hoạt động nghiên cứu nhằm kết hợp lý thuyết

đã học trong Nhà trường với hoạt động thực tiễn liên quan đến chuyên ngành học. Từ đó, người học phát hiện các vấn đề tồn tại trong hoạt động pháp lý của đơn vị thực tập để đề xuất đề tài khóa luận tốt nghiệp phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

**54. Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp:** Học phần này giúp người học củng cố kiến thức chuyên sâu thông qua vận dụng kiến thức và các kỹ năng đã học để nghiên cứu, phân tích và xử lý các vấn đề pháp lý cụ thể tại đơn vị thực tập và trình bày báo cáo khóa luận tốt nghiệp dưới dạng công trình nghiên cứu.